TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Bà Mai Huệ Anh Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Như T**, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đặng Văn T1**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 9, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Như T và ông Đặng Văn T1 đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, hai bên về sống chung từ năm 2003 đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90 ngày 04 tháng 6 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại khu phố 9, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Do ông T1 thường xuyên ăn nhậu rồi đánh đập bà, ông T1 có quan hệ bất chính với người con gái khác bà khuyên

bảo nhiều lần mà không nghe. Từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay bà và ông T1 không còn sống chung, hai vợ chồng không gặp gỡ nhau, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài và không còn chung sống cùng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 05 con chung là Đặng Thị Thanh M, sinh ngày 02/02/2005, Đặng Văn T2, sinh ngày 24/7/2006, Đặng Văn Đ, sinh ngày 12/7/2009, Đặng Văn P, sinh ngày 12/7/2009 và Đặng Tiến T3, sinh ngày 30/7/2012. Hiện nay các con đang sống với bà, ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con T2, P, Đ, T3, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Con Đặng Thị Thanh M đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà đang làm tạp vụ, thu nhập trung bình hàng tháng 7.000.000 đồng, ngoài ra cháu M đi làm phụ giúp hàng tháng cho bà thêm 5.000.000 đồng nên bà đủ đủ điều kiện để lo cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn T1: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Đặng Văn T1. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường Đ, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 04/5/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Đặng Văn

T1 nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như T và ông Đặng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90 ngày 04/6/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Như T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống không hạnh phúc, do ông T1 thường xuyên ăn nhậu rồi đánh đập bà, ông T1 có quan hệ bất chính với người con gái khác bà khuyên bảo nhiều lần mà không nghe. Từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay bà và ông T1 không còn sống chung hai vợ chồng không gặp gỡ nhau, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Tại đơn xác nhận tình trạng mâu thuẫn của bà T nộp cho Tòa án, Ban quản lý khu phố 9, phường Đông Hải xác nhận hiện nay hai vợ chồng có mâu thuẫn, điều đó thể hiện rõ việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 là có thật. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông T1 không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 05 con chung, xét yêu cầu được nuôi con của bà T, thấy rằng: Từ thời điểm vợ chồng không sống chung đến nay các cháu T2, P, Đ, T3 đều do bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Hiện nay, các cháu T2, P, Đ, T3 có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Bà T đang làm tạp vụ, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng, ngoài ra cháu M đi làm phụ giúp hàng tháng cho bà 5.000.000 đồng, nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao các cháu T2, P, Đ, T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Đối với con Đặng Thị Thanh M đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như T được ly hôn với ông Đặng Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Như T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đặng Văn T, sinh ngày 24/7/2006, Đặng Văn Đ, sinh ngày 12/7/2009, Đặng Văn P, sinh ngày 12/7/2009 và Đặng Tiến T, sinh ngày 30/7/2012. Ông Đặng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004941 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Như T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Đông Hải, TP.PR-TC (GCNKH số: 90, ngày 4/6/2010);
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diệu